

## KẾ HOẠCH

**hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024  
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo  
và chuyển đổi số quốc gia năm 2026**

-----

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 34 -KH/TU ngày 16/01/2026 của Tỉnh ủy Lào Cai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026. Đảng ủy xã Bắc Hà ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị) năm 2026, với những nội dung cơ bản sau:

### I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG

- Thống nhất triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo 03 trụ cột: Khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chuyển mạnh từ tư duy “phong trào” sang “thực chất”, lấy dữ liệu làm nền tảng cốt lõi (đúng – đủ – sạch – sống), lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả cuối cùng; triển khai quản trị theo mục tiêu, áp dụng các chỉ số đo lường (KPI) trong chỉ đạo, điều hành và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

- Bám sát chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cấp xã; các nhiệm vụ đề ra phải cụ thể, khả thi, có sản phẩm đầu ra và minh chứng rõ ràng.

- Phấn đấu nâng thứ hạng của xã Bắc Hà vào nhóm 20 xã dẫn đầu toàn tỉnh về các chỉ số chuyển đổi số. Mọi giải pháp được xây dựng phải bám sát tinh thần chỉ đạo cấp trên và các định hướng phát triển của địa phương, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

### II. MỤC TIÊU

**1. Mục tiêu chung:** Triển khai quyết liệt, đồng bộ, thực chất và có trọng tâm Nghị quyết số 57-NQ/TW trong năm 2026; chuyển mạnh từ phương thức triển khai

theo phong trào sang quản trị theo mục tiêu và kết quả đầu ra. Lấy dữ liệu số làm nền tảng cốt lõi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Xây dựng chính quyền số cấp xã hoạt động thông suốt, kỷ cương, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân; tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số gắn với nông nghiệp đặc sản, du lịch cộng đồng, OCOP; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh trên địa bàn xã Bắc Hà.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Về lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế và quản trị dựa trên dữ liệu:**

- 100% nhiệm vụ về khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được xây dựng, giao và tổ chức thực hiện theo nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ minh chứng; gắn trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu với kết quả cuối cùng.

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung cấp xã chậm nhất trong Quý II năm 2026; ưu tiên các nhóm dữ liệu: hộ tịch, dân cư, cán bộ – đảng viên, tổ chức đảng, thủ tục hành chính, chỉ tiêu kinh tế – xã hội; bảo đảm dữ liệu “đúng – đủ – sạch – sống”, phục vụ trực tiếp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy, UBND xã.

- 100% hồ sơ công việc của cấp xã (trừ hồ sơ mật) được tạo lập, xử lý, lưu trữ trên môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức xã sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong giải quyết công việc.

- 100% quy trình nội bộ trong hệ thống chính trị cấp xã được rà soát, chuẩn hóa và số hóa theo lộ trình hướng dẫn của cấp trên.

- Các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp xã được xây dựng, cập nhật, khai thác bảo đảm kết nối, đồng bộ, liên thông với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các nền tảng số do Trung ương, tỉnh triển khai theo hướng dẫn

### **2.2. Về cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công và triển khai Đề án 06**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính, đạt tối thiểu từ 95% trở lên.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công, đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đạt tối thiểu 95% trở lên.

- Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử, đạt 100%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa, đạt tối thiểu 80%.

### **2.3. Về hạ tầng số, dữ liệu chuyên ngành, nhân lực số và xã hội số**

- Rà soát, xử lý cơ bản các điểm nghẽn về hạ tầng viễn thông, vùng lõm sóng trên địa bàn; bảo đảm đường truyền ổn định phục vụ làm việc và họp trực tuyến tại xã.

- 100% cán bộ, công chức xã được trang bị máy tính và thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu để làm việc trên môi trường số.

- Hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ theo lộ trình của tỉnh; từng bước hình thành kho dữ liệu số phục vụ quản lý, khai thác và tái sử dụng.

- Triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số”; 100% cán bộ, công chức xã và lực lượng nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng sử dụng thành thạo VNeID và các dịch vụ số thiết yếu; từng bước nâng cao kỹ năng số cơ bản cho Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi.

### **2.4. Về kinh tế số, xã hội số và đổi mới sáng tạo.**

- Hoàn thiện chuyên đổi số Chợ Văn hóa Bắc Hà theo hướng chợ truyền thống
- Chợ du lịch thông minh: Triển khai đồng bộ các nội dung số hóa gian hàng, tiêu thương, sản phẩm; áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; gắn mã QR giới thiệu sản phẩm, văn hóa bản địa và truy xuất nguồn gốc; kết nối Chợ Văn hóa Bắc Hà với các nền tảng du lịch số và thương mại điện tử của tỉnh trong năm 2026.

- Hoàn thành số hóa vùng trồng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã (Mận Tam Hoa, chè, dược liệu, rau đặc sản): Xây dựng bản đồ số vùng trồng; cập nhật dữ liệu diện tích, sản lượng, hộ sản xuất, mùa vụ; từng bước tích hợp dữ liệu vùng trồng với hệ thống truy xuất nguồn gốc, OCOP và sàn thương mại điện tử, phục vụ quản lý nhà nước và tiêu thụ sản phẩm.

- Hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP, nông sản đặc sản chủ lực của xã lên các sàn thương mại điện tử; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá du lịch cộng đồng; từng bước triển khai mô hình du lịch thông minh phù hợp điều kiện thực tiễn của xã.

- Lựa chọn và triển khai ít nhất 01–02 bài toán thực tiễn của xã để ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực: nông nghiệp, du lịch, quản lý môi trường, cải cách hành chính.

*(Các chỉ tiêu chi tiết được lượng hóa trong Phụ lục kèm theo)*

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

Căn cứ mục tiêu năm 2026; trên cơ sở mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu khắc phục các tồn tại đã được chỉ ra tại Thông báo Kết luận số 78-KL/ĐU, Ban Thường vụ Đảng ủy xã xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo từng khối, từng lĩnh vực, bảo đảm bao quát đầy đủ 03 trụ cột: khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa nhiệm vụ thường xuyên – nhiệm vụ trọng tâm – nhiệm vụ đột phá.

#### **1. NHÓM NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN**

##### **1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát**

- Duy trì nền nếp sinh hoạt, giao ban định kỳ hằng tháng của Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06 xã; tập trung đánh giá kết quả theo sản phẩm đầu ra, không chỉ báo cáo tiến độ.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Bắc Hà, do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo nguyên tắc “6 rõ”, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện.

**- Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo theo Quy chế làm việc; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ theo tuần, tháng, quý; duy trì giao ban, kiểm điểm kết quả định kỳ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.**

Chủ trì tham mưu: Văn phòng Đảng ủy.

Phối hợp: Phòng Văn hóa – Xã hội.

Thời gian: Thường xuyên.

Sản phẩm: Thông báo kết luận giao ban; danh mục nhiệm vụ tồn đọng.

**- Tổ chức đợt cao điểm hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) gắn với “Tuần lễ chuyển đổi số”; phát động thi đua hoàn thành các chỉ tiêu trước ngày 10/10; tổ chức sơ kết, đánh giá, biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu.**

Chủ trì tham mưu: Phòng Văn hóa -Xã hội.

Phối hợp: Các cơ quan đơn vị.

Thời gian: từ tháng 9-10/2026

Sản phẩm: Hình ảnh, ngày hoạt động.

**- Đưa nội dung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết 57, Kế hoạch năm 2026 và Đề án 06 vào chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.**

Chủ trì: Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Thời gian: Theo chương trình năm 2026.

Sản phẩm: Báo cáo kiểm tra, kết luận và kiến nghị xử lý.

## **1.2. Duy trì nền nếp làm việc trên môi trường số**

**- Thực hiện nghiêm việc tạo lập, xử lý, lưu trữ hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; chấm dứt tình trạng xử lý song song hồ sơ giấy – điện tử không đúng quy định.**

Chủ trì: UBND xã.

Phối hợp: Các bộ phận chuyên môn.

Thời gian: Thường xuyên.

Sản phẩm: Tỷ lệ hồ sơ xử lý điện tử đạt 100%.

**- Rà soát, chuẩn hóa và số hóa toàn bộ quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền cấp xã; gắn trách nhiệm của người đứng đầu từng bộ phận với kết quả số hóa quy trình.**

Chủ trì: UBND xã.

Thời gian: Năm 2026.

Sản phẩm: Danh mục quy trình nội bộ được số hóa và vận hành.

## **2. NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **2.1. Hoàn thiện hạ tầng số, thiết bị CNTT và an toàn thông tin**

**- Rà soát tổng thể hiện trạng hạ tầng CNTT cấp xã (máy tính, thiết bị ngoại vi, đường truyền, phòng họp trực tuyến); đề xuất đầu tư, bổ sung bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số.**

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.

Phối hợp: Văn phòng Đảng ủy; Phòng Kinh tế.

Thời gian: Quý I–II/2026.

Sản phẩm: Báo cáo rà soát; danh mục trang thiết bị được bổ sung.

**- Phối hợp doanh nghiệp viễn thông khảo sát, mở rộng hạ tầng 4G/5G; phần đầu triển khai ít nhất 02 trạm phát sóng mới hoặc giải pháp kỹ thuật xóa điểm lốm sóng.**

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.

Phối hợp: Doanh nghiệp viễn thông VNPT Bắc Hà, Viettel Bắc Hà.

Thời gian: Quý I–II/2026.

**- Đầu tư nâng cấp lắp đặt 15 bộ loa truyền thanh thông minh (ứng dụng công nghệ số/IP) tại các thôn hệ thống loa xuống cấp.**

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.

Phối hợp: các thôn, đơn vị liên quan.

Thời gian hoàn thành: năm 2026.

**- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và công tác cơ yếu trong quá trình triển khai các nhiệm vụ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;**

Chủ trì: Văn phòng Đảng ủy; Phòng Văn hóa – Xã hội

Phối hợp: Công an xã; các cơ quan, đơn vị liên quan theo hướng dẫn của cấp trên.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2026.

Sản phẩm: Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin; kế hoạch và báo cáo bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; biên bản phối hợp xử lý sự cố (nếu có).

## **2.2. Xây dựng, làm sạch, tích hợp và khai thác dữ liệu dùng chung, bản đồ số kinh tế – xã hội**

- Hoàn thành xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung cấp xã (hộ tịch, dân cư, cán bộ – đảng viên, tổ chức đảng, thủ tục hành chính, chỉ tiêu kinh tế – xã hội, an ninh trật tự, quản lý hành chính), bảo đảm dữ liệu “đúng – đủ – sạch – sống”, đưa vào khai thác phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chậm nhất trong Quý II/2026.

- Thực hiện số hóa, tích hợp dữ liệu trên nền tảng bản đồ số, phục vụ quản lý đất đai, dân cư, sản xuất nông nghiệp, du lịch, an sinh xã hội và các lĩnh vực phát triển địa phương.

- Tăng cường chia sẻ, kết nối, khai thác dữ liệu giữa các bộ phận; từng bước hình thành phương thức quản trị, điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu

Chủ trì: UBND xã.

Phối hợp: Công an xã, Trung tâm PVHC công; Văn phòng Đảng ủy.

Thời gian: Quý II/2026.

Sản phẩm: Các tập dữ liệu được cập nhật, khai thác.

- Tổ chức khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; từng bước hình thành thói quen ra quyết định dựa trên dữ liệu trong đội ngũ cán bộ, công chức xã.

Chủ trì: UBND xã.

Thời gian: Năm 2026.

Sản phẩm: Báo cáo điều hành dựa trên dữ liệu.

### 2.3. Cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công và Đề án 06

**- Triển khai thí điểm, từng bước nhân rộng mô hình “Một cửa lưu động” tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại các thôn vùng cao, thôn xa trung tâm, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tiễn và thực hiện theo định hướng, hướng dẫn của tỉnh.**

Chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Phối hợp: Công an xã; Phòng Văn hóa – Xã hội; các thôn.

Thời gian thực hiện: Thí điểm từ Quý II, nhân rộng Quý III–IV năm 2026.

Sản phẩm: Kế hoạch một cửa lưu động; danh sách hồ sơ tiếp nhận, giải quyết tại thôn.

**- Thiết lập và duy trì “Bàn hỗ trợ số” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã và bố trí hạt nhân hỗ trợ theo thôn nhằm hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến, sử dụng dịch vụ công, định danh điện tử.**

Chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Phối hợp: Công an xã; Tổ công nghệ số cộng đồng; các đoàn thể.

Thời gian thực hiện: Quý I – Quý IV năm 2026.

Sản phẩm: Nhật ký hỗ trợ người dân; thống kê tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình.

**- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết TTHC; áp dụng công cụ theo dõi, giám sát tiến độ xử lý hồ sơ theo thời gian thực.**

Chủ trì: Các cơ quan đơn vị theo lĩnh vực.

Phối hợp: Các bộ phận chuyên môn.

Thời gian: Năm 2026.

Sản phẩm: Quy trình TTHC chuẩn hóa; báo cáo tỷ lệ giải quyết đúng hạn.

**- Phối hợp Công an xã xử lý dứt điểm các lỗi liên thông thủ tục hộ tịch – cư trú – định danh điện tử; định kỳ phân tích nguyên nhân hồ sơ lỗi, báo cáo Ban Chỉ đạo xã.**

Chủ trì: Công an xã.

Phối hợp: Bộ phận Tư pháp.

Thời gian: Thường xuyên. Sản phẩm: Báo cáo giảm tỷ lệ hồ sơ lỗi.

2.4. Bố trí nguồn lực tài chính và quản lý ngân sách cho KHCN, ĐMST, CDS.

**- Bố trí tối thiểu 1% tổng chi ngân sách xã cho các nhiệm vụ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chi tiết dự kiến cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 được tổng hợp tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này**

Chủ trì: Phòng Kinh tế

Phối hợp: Các cơ quan đơn vị.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2026 (lồng ghép trong quy trình lập, điều hành và quyết toán ngân sách).

Sản phẩm: Dự toán, quyết toán ngân sách; báo cáo tỷ lệ chi cho KHCN, ĐMST, CDS đạt  $\geq 1\%$ .

**- Rà soát, ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột phá; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ của tỉnh và xã hội hóa hợp pháp.**

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội.

Phối hợp: Phòng Kinh tế, các cơ quan đơn vị

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

Sản phẩm: Danh mục nhiệm vụ được bố trí kinh phí; báo cáo tổng hợp nguồn lực. (có dự toán phụ lục kèm theo)

2.5. Phát triển nguồn nhân lực số và thúc đẩy sử dụng dịch vụ số trong Nhân dân

**- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức xã; bảo đảm 100% cán bộ được tập huấn và sử dụng thành thạo các phần mềm, nền tảng số dùng chung trong xử lý công việc.**

- Kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% thôn, phân công rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, ứng dụng số thiết yếu; đưa hoạt động hỗ trợ số thành nhiệm vụ thường xuyên tại cơ sở.

- Đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”, tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn trực tiếp tại thôn, bản; ưu tiên người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, hộ kinh doanh nhỏ; phấn đấu tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ số thường xuyên đạt  $\geq 90\%$ .

- Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký và sử dụng chữ ký số cá nhân; phấn đấu tối thiểu 5% dân số trưởng thành có chữ ký số trong năm 2026.

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội

Phối hợp: Văn phòng Đảng ủy, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an xã, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các thôn, bản

Thời gian: Năm 2026

Sản phẩm: Danh sách tập huấn cán bộ; báo cáo hoạt động Tổ CNSCD; tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số; thống kê chữ ký số cá nhân.

### **3. NHÓM NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ NĂM 2026**

**- Triển khai mô hình thí điểm “Thôn thông minh” tại ít nhất 01 thôn theo hướng toàn diện, thực chất, có khả năng nhân rộng; mô hình thôn thông minh được triển khai theo Bộ tiêu chí, khung hướng dẫn của tỉnh, bảo đảm khả năng đánh giá, so sánh và nhân rộng.**

Chủ trì: Phòng Văn hóa – Xã hội;

Phối hợp: Công an xã; các cơ quan đơn vị.

Thời gian: Hoàn thành trong quý III/2026

**- Triển khai số hóa Chợ Văn hóa Bắc Hà theo hướng xây dựng điểm đến văn hóa – du lịch thông minh: số hóa gian hàng, sản phẩm, tiểu thương; tích hợp thanh toán không dùng tiền mặt, mã QR giới thiệu sản phẩm, truy xuất thông tin nguồn gốc.**

Chủ trì: Ban Quản lý Di tích và Chợ Văn hóa Bắc Hà.

Phối hợp: Phòng Kinh tế; các hộ kinh doanh.

Thời gian thực hiện: Quý II – Quý IV năm 2026.

Sản phẩm: Danh mục gian hàng/sản phẩm được số hóa; báo cáo kết quả triển khai Chợ Văn hóa số.

**- Thực hiện số hóa vùng trồng đối với một số cây trồng chủ lực của xã: xây dựng hồ sơ số vùng trồng, bản đồ số vùng trồng; áp dụng truy xuất nguồn gốc, nhật ký điện tử phục vụ quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.**

Chủ trì: Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã Bắc Hà.

Phối hợp: Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa – Xã hội; các HTX, tổ hợp tác, hộ nông dân.

Thời gian thực hiện: Quý II – Quý IV năm 2026.

Sản phẩm: Hồ sơ số vùng trồng; mã truy xuất nguồn gốc; báo cáo kết quả số hóa vùng trồng.

**- Gắn số hóa chợ văn hóa và vùng trồng với hoạt động thương mại điện tử, quảng bá du lịch, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; từng bước hình thành chuỗi giá trị số từ sản xuất – tiêu thụ – dịch vụ du lịch.**

Chủ trì: trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Bắc Hà.

Phối hợp: Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa – Xã hội; các đơn vị liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2026.

Sản phẩm: Báo cáo kết quả kết nối, tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số.

(chi tiết theo phụ lục 3 kèm theo)

#### **IV. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Văn phòng Đảng ủy xã là cơ quan thường trực**

Chủ trì tham mưu Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng ủy tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, chi bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. Trực tiếp quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật, hệ thống mạng, phần mềm dùng chung, chữ ký số; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và công tác cơ yếu.

Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp báo cáo, tham mưu đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo hằng tuần, tháng, quý trình Ban Thường vụ Đảng ủy theo quy định.

Chịu trách nhiệm thu thập số liệu, xây dựng báo cáo định kỳ, đột xuất. Cuối năm 2026, tham mưu tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, chỉ rõ tồn tại, hạn chế và đề xuất nhiệm vụ năm 2027.

**2. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy:** Chủ trì tham mưu cho Đảng ủy xã về công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai kế hoạch. Rà soát, tham mưu việc bố trí, phân công cán bộ có năng lực phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số ở các lĩnh vực chuyên môn. Đưa nội dung về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào

sinh hoạt chi bộ định kỳ; lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ này làm một tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hàng năm.

**3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy:** Chủ trì, phối hợp với UBND xã và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch. Tham mưu cấp ủy tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm. Qua công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và báo cáo Đảng ủy, BCĐ những hạn chế, vướng mắc; đề xuất biện pháp chấn chỉnh, xử lý đối với tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy định.

#### **4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:**

Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...) trong tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện kế hoạch.

MTTQ xã xây dựng chương trình giám sát và phản biện xã hội đối với quá trình triển khai Nghị quyết 57; định kỳ tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân báo cáo cấp ủy, chính quyền. Các đoàn thể lồng ghép mục tiêu chuyển đổi số vào phong trào thi đua của tổ chức mình, chủ trì triển khai các Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn bản để hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ.

#### **5. UBND xã chỉ đạo**

**5.1. Văn phòng HĐND & UBND xã:** Phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND xã rà soát các điểm nghẽn hạ tầng số; làm đầu mối liên hệ với doanh nghiệp viễn thông để triển khai các giải pháp mở rộng vùng phủ sóng, nâng cấp đường truyền internet theo mục tiêu đề ra. Đồng thời, tham mưu lãnh đạo UBND xã trong việc theo dõi tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo định kỳ tháng, quý. Phối hợp với Công an xã và các đơn vị duy trì tốt hoạt động của Bộ phận một cửa, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp hiệu quả.

#### **5.2. Phòng Văn hóa – Xã hội:**

Là đầu mối tham mưu thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của xã; chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Nghị quyết 57 và các nhiệm vụ KHCN – ĐMST – CDS, báo cáo BCĐ xã và UBND xã. Tham mưu UBND xã kiện toàn lực lượng chuyển đổi số (Tổ công nghệ số cộng đồng, ...); xây dựng khung kỹ năng số tối thiểu cho cán bộ thôn bản và kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng số định kỳ cho các đối tượng liên quan.

Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy tham mưu BCD xã tổ chức các cuộc họp giao ban, kiểm tra chuyên đề về chuyển đổi số theo kế hoạch; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

**5.3. Trung tâm Phục vụ Hành chính công xã** tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính; hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công và các nền tảng số của chính quyền.

#### **5.4. Phòng Kinh tế:**

Căn cứ lĩnh vực được phân công, các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND xã trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả các chỉ tiêu chuyển đổi số, nhiệm vụ KHCN, ĐMST trong phạm vi lĩnh vực mình quản lý.

Chủ trì tham mưu bố trí nguồn kinh phí, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế với chuyển đổi số; đồng thời đầu mối triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp, OCOP, du lịch theo kế hoạch; đảm bảo kinh phí kịp thời, hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, quyết toán minh bạch.

**5.5. Các thôn:** Căn cứ kế hoạch này, Trưởng thôn, có trách nhiệm tuyên truyền đến từng hộ dân; phối hợp triển khai các hoạt động chuyển đổi số tại cộng đồng (như hỗ trợ cài đặt ứng dụng, hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến, thu thập dữ liệu dân cư...). Chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng, phân công rõ người, rõ việc cho từng thành viên. Định kỳ hàng tháng báo cáo UBND xã (qua Phòng VH-XH) kết quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại thôn, đề xuất nhu cầu hỗ trợ nếu có.

#### **5.6. Các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã**

- Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn và trực tiếp hỗ trợ người dân, hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn xã truy cập, đăng ký, nộp hồ sơ và theo dõi kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Là cầu nối phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về chuyển đổi số đến từng hộ dân (thông qua sinh hoạt xóm, nhóm Zalo, Facebook cộng đồng). Chủ động hướng dẫn người dân nhận diện lợi ích của chuyển đổi số; nâng cao kỹ năng số cơ bản (tạo tài khoản, bảo mật thông tin, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng ứng dụng chính quyền điện tử...). Mục tiêu là hình thành thói quen ứng dụng công nghệ trong mọi hoạt động, góp phần xây dựng xã hội số, công dân số tại địa phương.

- Hướng dẫn các hộ gia đình, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm. Thành viên Tổ giúp người dân tạo mã QR truy xuất nguồn gốc, mở gian hàng trên sàn thương mại

điện tử; hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương trên mạng xã hội.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện tin giả, lừa đảo trực tuyến; khuyến khích sử dụng các nền tảng số “Make in Vietnam” an toàn, tin cậy.

**6. Chế độ báo cáo, sơ kết:** Các ban, cơ quan, đơn vị, chi bộ trực thuộc thực hiện chế độ báo cáo tiến độ hằng tuần (trước 14h thứ Sáu) về Văn phòng Đảng ủy – cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo – để tổng hợp, tham mưu chỉ đạo, điều hành; đồng thời thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 trên địa bàn xã Bắc Hà. Yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực tỉnh ủy,
- Sở Khoa học và Công nghệ,
- Thường trực ĐU, HĐND-UBND xã,
- Các đồng chí thành viên BCD xã,
- Các cơ quan TM, GV Đảng ủy,
- Lãnh đạo Văn phòng Đảng ủy,
- Chuyên viên tổng hợp, VPĐU,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Nguyễn Duy Hòa**

**PHỤ LỤC I. BỘ CHỈ TIÊU THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NĂM 2026**  
(Kèm theo kế hoạch số 66 KH/ĐU ngày 28/01/2026 của Đảng ủy xã Bắc Hà)

ST T	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị đo	Thực hiện 2025	Mức cần đạt năm 2026	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn	Minh chứng
<b>I</b>	<b>Hạ tầng số</b>							
1	Rà soát, xử lý điểm nghẽn/vùng lõm sóng	% thôn	96.7	Rà soát 100%; xử lý $\geq 02$ thôn	VP HĐND&UBND	Nhà mạng, thôn	Quý II	BB đo kiểm
2	Tỷ lệ thôn, bản có phủ sóng 5G	% thôn	8	$\geq 20$	Phòng VH-XH	Nhà mạng	Quý IV	BC hạ tầng
<b>II</b>	<b>Nhân lực – kỹ năng số</b>							
3	Tổng chi ngân sách xã chi cho KHCN, đổi mới sáng tạo			1.5	Phòng Kinh tế	Các cơ quan đơn vị		
4	CBCC được bồi dưỡng kỹ năng số	%	100	$\geq 95$	Phòng VH-XH	VP ĐU	Quý IV	DS tập huấn
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	$\geq 90$	100%	VP Đảng ủy; Phòng VH-XH	VP ĐU	Quý IV	Đánh giá
6	Người dân tiếp cận DV số thiết yếu	%	$\geq 80\%$	$\geq 85\%$	Phòng VH-XH	CA, thôn	Quý IV	BC tổng hợp
7	Tổ CNSCĐ hoạt động thường xuyên	% tổ		100%	Phòng VH-XH	Đoàn thể	TX	BB sinh hoạt
<b>III</b>	<b>Khoa học – công nghệ</b>							
8	Nhiệm vụ KHCN cấp xã	Nhiệm vụ		$\geq 02$	Phòng Kinh tế	VH-XH	Quý IV	(Số hóa vùng trồng, chuyển đổi số chợ)
9	Sản phẩm có truy xuất nguồn gốc	Sản phẩm		$\geq 01$	Phòng Kinh tế	HTX	Quý IV	Tem QR
10	Vùng trồng được số hóa dữ liệu	Vùng		$\geq 01$	Phòng Kinh tế	HTX	Quý IV	Hồ sơ
<b>IV</b>	<b>Đổi mới sáng tạo</b>							
11	Số vườn ươm/nhóm hỗ trợ đổi mới sáng tạo	Mô hình		$\geq 01$	Phòng VH-XH	Phòng KT	Quý IV	Đánh giá
12	Sản phẩm/ý tưởng ĐMST được hỗ trợ	Sản phẩm		$\geq 01$	UBND xã	Đoàn TN	Quý IV	Hồ sơ
13	DN/hộ KD ứng dụng công nghệ số	%		$\geq 35\%$	Phòng KT	Thôn	Quý IV	Thống kê
<b>V</b>	<b>Chuyển đổi số – DVC</b>							

14	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương	%	97.4%	$\geq 98\%$	TTPVHCC	CA	Quý IV	Công DVC
15	Hồ sơ TTHC xử lý trực tuyến	%	98.8	$\geq 99$	TTPVHCC	Bộ phận	Quý IV	Phần mềm
16	DVCTT toàn trình/tổng TTHC có đủ điều kiện	%		$\geq 90\%$	TTPVHCC	Các đơn vị	Quý IV	Công DVC
17	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	%		$\geq 60\%$	TTPVHCC	Các đơn vị	Quý IV	Công DVC
18	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ kết quả xử lý	%		100%	TTPVHCC	Các đơn vị	Quý IV	Công DVC
19	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	%		100%	TTPVHCC	Các đơn vị	Quý IV	Công DVC
20	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%		$\geq 80\%$	TTPVHCC	Các đơn vị	Quý IV	Công DVC
21	DN/hộ KD ứng dụng CDS	%	32	$\geq 35\%$	Phòng VH-XH	Phòng KT	Quý IV	Thống kê
22	Người dân có VNeID	%	77.11	$\geq 80\%$	CA xã	Thôn	Quý IV	Dữ liệu ĐA06
23	Người dân có chữ ký số	%	>1	$\geq 5\%$	Phòng VH-XH	CA	Quý IV	BC tổng hợp
<b>VI</b>	<b>Mô hình – đột phá</b>							
24	Một cửa lưu động	Mô hình		$\geq 01$	TTPVHCC	CA	Quý III	Kế hoạch
25	Bàn hỗ trợ số	Điểm		100% thôn	TTPVHCC	CNSCĐ	Quý II	Nhật ký
26	Chợ Văn hóa số	Mô hình		$\geq 01$	Phòng VH-XH	BQL chợ	Quý IV	Báo cáo
27	Thôn thông minh (thí điểm)	Thôn		$\geq 01$	UBND xã	Các đơn vị	Quý IV	Bộ TC
<b>VII</b>	<b>Quản lý – điều hành</b>							
28	Theo dõi nhiệm vụ theo “6 rõ”	%		100%	VP ĐU	VH-XH	TX	Bảng TD
29	Báo cáo NQ57 đúng hạn	Lần/năm		4 quý + năm	Phòng VH-XH	Đơn vị	QĐ	Báo cáo
30	Chỉ số CDS (DTI) cấp xã	Điểm		$\geq 0,7$	VP ĐU, Phòng VHXXH	Các cơ quan đơn vị	Quý IV	KQ đánh giá
31	Bảo đảm ATTT cấp xã	% HT		100%	UBND xã	CA xã	TX	Kế hoạch

**PHỤ LỤC II. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN***(Kèm theo kế hoạch số 66-KH/ĐU ngày 28 /01/2026 của Đảng ủy xã Bắc Hà)***ĐVT: Triệu đồng**

<b>ST T</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ</b>	<b>Nội dung chi chủ yếu</b>	<b>Dự kiến KP</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát	Giao ban BCD; kiểm tra chuyên đề; sơ kết, tổng kết; báo cáo định kỳ	30	Ngân sách xã	Chi thường xuyên
2	Hạ tầng số, thiết bị CNTT, an toàn thông tin	Bổ sung thiết bị CNTT; họp trực tuyến; sao lưu dữ liệu; ATTT (khôi phục, chính quyền)	680	NS xã, tỉnh hỗ trợ	Ưu tiên tối thiểu
		Bộ Loa thông minh ( 15 bộ loa thông minh)	675	CTMTQG	Nhóm ưu tiên
3	Xây dựng, làm sạch và khai thác dữ liệu dùng chung	Chuẩn hóa, số hóa, làm sạch dữ liệu hộ tịch, CB-ĐV, TTHC, KTXH	160	Ngân sách xã	Gắn KPI dữ liệu
		Tích hợp dữ liệu bản đồ số KTXH; báo cáo phân tích điều hành (Thuê dịch vụ số hóa, bản đồ GIS, dashboard)	80	Ngân sách xã	Gắn KPI dữ liệu
4	Cải cách TTHC, DVC, Đề án 06	Một cửa lưu động; bàn hỗ trợ số; hỗ trợ DVCTT (Thiết bị, hỗ trợ vật tư, tài liệu, hỗ trợ tổ công nghệ số cộng đồng)	120	Ngân sách xã	Không mua PM mới
5	Phát triển nhân lực số, Bình dân học vụ số	Tập huấn CBCC; Tổ CNSCD; tuyên truyền người dân, Tuần lễ/Ngày Chuyển đổi số 10/10	80	NS xã, lồng ghép CTMTQG	Chi đào tạo
6	Kinh tế số, xã hội số	Hỗ trợ OCOP, TMĐT, QR, thanh toán số	40	NS xã, XHH	Hỗ trợ gián tiếp
7	Nhiệm vụ đột phá	Thôn thông minh; Chợ Văn hóa số; số hóa vùng trồng, Đầu tư loa thông minh	923	NS xã, CTMTQG	Nhóm ưu tiên
7.1		Thôn thông minh (thí điểm)	120	NS xã, CTMTQG	Nhóm ưu tiên
7.2		Triển khai chuyển đổi số chợ Văn Hóa Bắc Hà và số hóa vùng trồng	803	CTMTQG	Nhóm ưu tiên
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.788</b>		≥1% chi NS xã

## PHỤ LỤC III. BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO NGUYÊN TẮC 6 RÕ

(Kèm theo kế hoạch số 66-KH/ĐU ngày 28/01/2026 của Đảng ủy xã Bắc Hà)

Stt	Nội dung triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian	Sản phẩm đầu ra	Ghi chú
<b>I. NHÓM NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN</b>						
<b>1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra giám sát</b>						
1.1	Duy trì giao ban BCĐ NQ57, Đề án 06 định kỳ	VP Đảng ủy	Phòng VH-XH	Hàng tháng	Thông báo kết luận	
1.2	Kiểm tra, giám sát chuyên đề CDS	UBKT ĐU	UBND xã	Quý II-IV	Báo cáo kiểm tra	
1.3	Sơ kết, tổng kết thực hiện	VP Đảng ủy	Các đơn vị	Theo quý	Báo cáo sơ/tổng kết	
1.4	Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2026 của BCĐ theo tuần-tháng-quý	VP Đảng ủy	Phòng VH-XH	Quý I	Kế hoạch hoạt động BCĐ	
1.5	Theo dõi nhiệm vụ theo “6 rõ” gắn KPI; tổng hợp báo cáo tuần	VP Đảng ủy	Phòng VH-XH, các đơn vị	Thường xuyên (hàng tuần)	Bảng theo dõi/KPI; báo cáo tuần	
<b>2. Duy trì nền nếp làm việc trên môi trường số</b>						
2.1	100% hồ sơ xử lý điện tử	UBND xã	Các cơ quan, đơn vị	Thường xuyên	Thống kê báo cáo trích xuất từ phần mềm	
2.2	Số hóa, chuẩn hóa quy trình nội bộ	UBND xã	VP HĐND-UBND	Quý II	Danh mục QT số	
2.3	Kiểm tra việc sử dụng chữ ký số	VP ĐU	CA xã	Quý III	Biên bản KT	
<b>II. NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM</b>						
<b>3. Hoàn thiện hạ tầng số, thiết bị CNTT và an toàn thông tin</b>						
3.1	Rà soát tổng thể hiện trạng hạ tầng CNTT xã	Phòng VH-XH	VP ĐU	Quý I	Báo cáo rà soát, đề xuất danh mục	
3.2	Mua sắm máy tính phục vụ CBCC	UBND xã,	Phòng KT	Quý II	Báo cáo kết quả đầu tư/BBNT	
3.3	Mua sắm thiết bị họp trực tuyến	UBND xã	Phòng KT	Quý II	Biên bản bàn giao	
3.4	Lắp đặt hệ thống loa truyền thanh thông minh	Phòng VH-XH	Các thôn	Năm 2026	Biên bản bàn giao	
3.5	Lập, thẩm định hồ sơ an toàn thông tin	VP ĐU, Phòng VH-XH	CA xã	Quý III	Hồ sơ được phê duyệt ATTT	
<b>4. Xây dựng, làm sạch và khai thác dữ liệu dùng chung</b>						
4.1	Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu hộ tịch, dân cư	UBND xã	CA xã	Quý I	Dữ liệu sạch	
4.2	Số hóa hồ sơ CB-ĐV, tổ chức Đảng	VP ĐU	UBND xã	Quý II	Kho dữ liệu	
4.3	Số hóa TTHC, chỉ tiêu KTXH	UBND xã	Các cơ quan đơn vị	Quý II	Bộ dữ liệu	

4.4	Tập huấn khai thác, sử dụng dữ liệu	Phòng VH-XH	VP ĐU	Quý III	Báo cáo tập huấn	
4.5	Tích hợp dữ liệu lên bản đồ số KTXH xã (đất đai, dân cư, nông nghiệp, du lịch, an sinh...)	UBND xã	CA xã, VP ĐU, các đơn vị	Quý II–III	Bản đồ số KTXH	
4.6	Khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành (báo cáo phân tích theo quý/tháng)	UBND xã	Phòng VH-XH, VP ĐU	Năm 2026	Báo cáo điều hành dựa dữ liệu	
<b>5. Cải cách TTHC, dịch vụ công và Đề án 06</b>						
5.1	Triển khai mô hình “Một cửa lưu động”	TTPVHCC	CA xã, thôn	Quý II–Quý III	≥01 mô hình	
5.2	Triển khai “Bàn hỗ trợ số” tại Trung tâm HC công	TTPVHCC	Tổ CNSCĐ	Cả năm	Nhật ký hỗ trợ	
5.3	Theo dõi, xử lý lỗi liên thông Đề án 06	CA xã	TTPVHCC	Thường xuyên	Báo cáo giám lỗi	
<b>6. Bố trí nguồn lực tài chính và quản lý ngân sách</b>						
6.1	Theo dõi bố trí ≥1% chi NS cho CDS	Phòng KT	Các cơ quan đơn vị	Cả năm	Báo cáo ngân sách	
6.2	Tổng hợp, theo dõi, báo cáo tiến độ chi	Phòng VH-XH	Các đơn vị	Quý I–Quý IV	Bảng theo dõi	
<b>III. NHÓM NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ NĂM 2026</b>						
<b>7. Phát triển nhân lực số và xã hội số</b>						
7.1	Tập huấn kỹ năng số CBCC xã	Phòng VH-XH	VP ĐU	Quý I–Quý IV	DS tập huấn	
7.2	Kiện toàn và tập huấn Tổ CNSCĐ (100% thôn), giao chỉ tiêu hỗ trợ người dân	Phòng VH-XH	Đoàn thể	Quý II	Quyết định kiện toàn + DS tập huấn	
7.3	Bình dân học vụ số gắn tuyên truyền/hỗ trợ DVCTT, thanh toán số (≥90% dân số trưởng thành)	Phòng VH-XH	Thôn, MTTQ, đoàn thể, tổ CNSCĐ	Cả năm	BC tuyên truyền, minh chứng	
7.4	Hướng dẫn, hỗ trợ người dân đăng ký chữ ký số cá nhân (≥5% dân số trưởng thành)	CA xã	VP HĐND-UBND, thôn	Quý II–III	Thống kê chữ ký số; báo cáo	
7.5	Tổ chức Tuần lễ/Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10	Phòng VH-XH	VP ĐU, MTTQ, đoàn thể	Tháng 10	Báo cáo, hình ảnh, truyền thông	
<b>8. Kinh tế số, xã hội số và mô hình đột phá</b>						
8.1	Thí điểm mô hình Thôn thông minh	UBND xã	VH-XH	Quý III	≥01 thôn	
8.2	Số hóa Chợ Văn hóa Bắc Hà	BQL Chợ	Phòng KT	Quý II–Quý IV	App Chợ văn hóa số	
8.3	Số hóa vùng trồng sản phẩm chủ lực	TT DVTH	HTX	Quý II–Quý IV	PM, dữ liệu Hồ sơ vùng trồng	
8.4	Hỗ trợ OCOP, TMĐT, QR, thanh toán số	Phòng KT	VH-XH	Quý III–Quý IV	Gian hàng số	
8.5	Ứng dụng KHCN giải quyết bài toán thực tiễn (nông nghiệp/du lịch/môi trường)	Phòng VH-XH	Phòng KT	Quý III–Quý IV	≥01 mô hình/giải pháp	